XÃ CỬA CẠN - HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG
QUY HOẠCH PHÂN KHU KHU DU LỊCH, DÂN CƯ CỬA CẠN, TỶ LỆ 1/2000
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

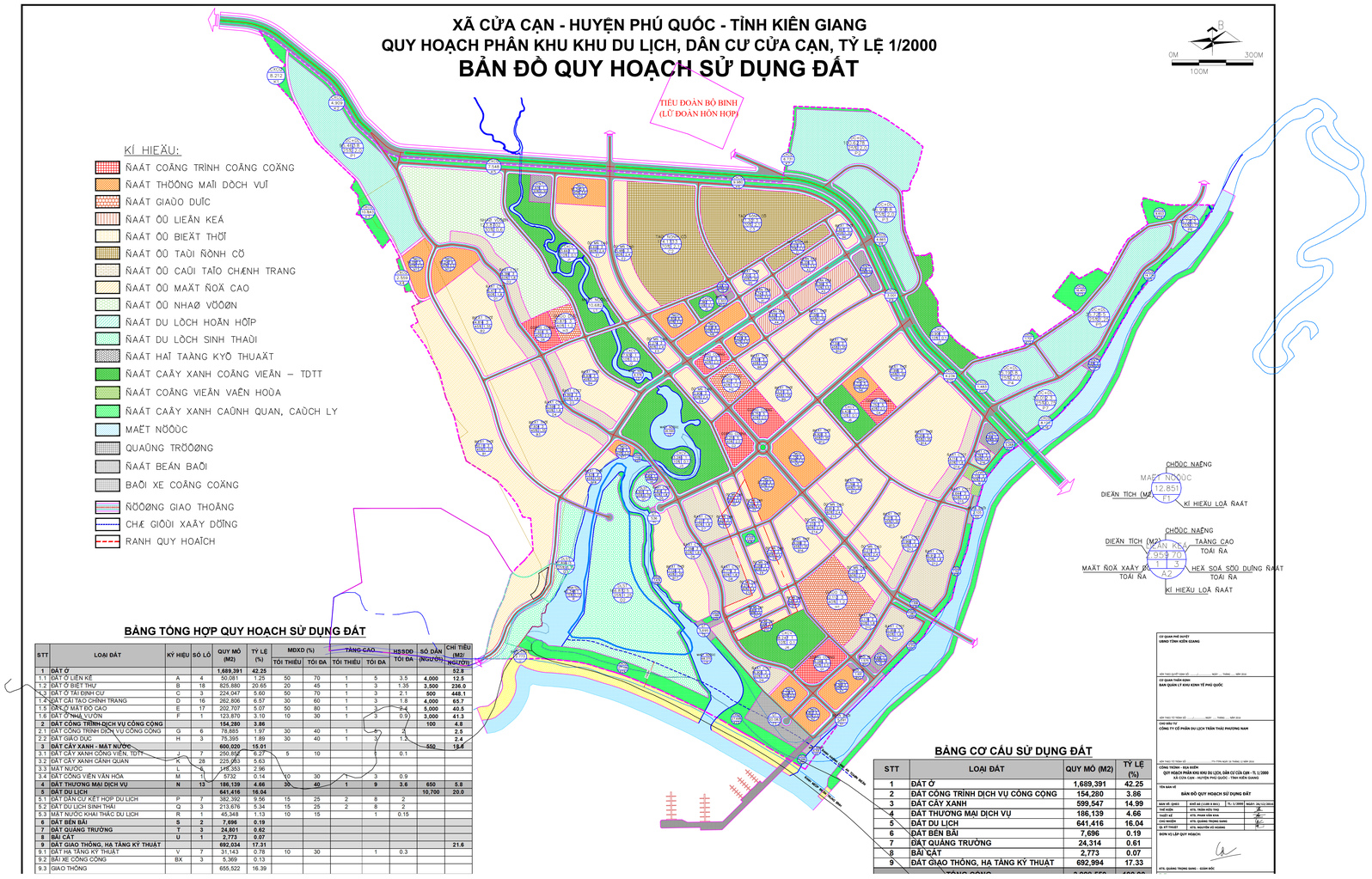

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	SỐ LÔ	QUY MÔ (M2)	TỶ LỆ (%)	MDXD (%)		TẦNG CAO		HSSDĐ TỐI ĐA	SỐ DÂN (NGƯỜI)	CHỈ TIÊU (M2/ NGƯỜI)
						TỐI THIỂU	TỐI ĐA	TỐI THIỂU	TỐI ĐA			
1	**ĐẤT Ở**			**1,689,391**	**42.25**							**52.8**
1.1	ĐẤT Ở LIỀN KỀ	A	4	50,081	1.25	50	70	1	5	3.5	**4,000**	**12.5**
1.2	ĐẤT Ở BIỆT THỰ	B	18	825,880	20.65	20	45	1	3	1.35	**3,500**	**236.0**
1.3	ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ	C	3	224,047	5.60	50	70	1	3	2.1	**500**	**448.1**
1.4	ĐẤT CẢI TẠO CHỈNH TRANG	D	16	262,606	6.57	30	60	1	3	1.8	**4,000**	**65.7**
1.5	ĐẤT Ở MẬT ĐỘ CAO	E	17	202,707	5.07	50	80	1	3	2.4	**5,000**	**40.5**
1.6	ĐẤT Ở NHÀ VƯỜN	F	1	123,870	3.10	10	30	1	3	0.9	**3,000**	**41.3**
2	**ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CÔNG CỘNG**			**154,280**	**3.86**						**100**	**4.8**
2.1	ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	G	6	78,885	1.97	30	40	1	5	2		**2.5**
2.2	ĐẤT GIÁO DỤC	H	3	75,395	1.89	30	40	1	3	1.2		**2.4**
3	**ĐẤT CÂY XANH - MẶT NƯỚC**			**600,020**	**15.01**						**550**	**15.6**
3.1	ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN, TDTT	J	7	250,994	6.27	5	10		1	0.1		
3.2	ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN	K	28	225,263	5.63							
3.3	MẶT NƯỚC	L	4	118,353	2.96							
3.4	ĐẤT CÔNG VIÊN VÀN HOÀ	M	1	5732	0.14	10	30	1	3	0.9		
4	**ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ**	**N**	**13**	**186,139**	**4.66**	**30**	**40**	**1**	**9**	**3.6**	**650**	**5.8**
5	**ĐẤT DU LỊCH**			**641,416**	**16.04**						**10,700**	**20.0**
5.1	ĐẤT DÂN CƯ KẾT HỢP DU LỊCH	P	7	382,392	9.56	15	25	2	8	2		
5.2	ĐẤT DU LỊCH SINH THÁI	Q	3	213,676	5.34	15	25	2	8	2		
5.3	MẶT NƯỚC KHAI THÁC DU LỊCH	R	1	45,348	1.13	10	15		1	0.15		
6	**ĐẤT BẾN BÃI**	**S**	**2**	**7,696**	**0.19**							
7	**ĐẤT QUẢNG TRƯỜNG**	**T**	**3**	**24,801**	**0.62**							
8	**BÃI CÁT**	**U**	**1**	**2,773**	**0.07**							
9	**ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT**			**692,034**	**17.31**							**21.6**
9.1	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	V	7	31,143	0.78	10	30		1	0.3		
9.2	BÃI XE CÔNG CỘNG	BX	3	5,369	0.13							
9.3	GIAO THÔNG			655,522	16.39							

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	QUY MÔ (M2)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT Ở	1,689,391	42.25
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	154,280	3.86
3	ĐẤT CÂY XANH	599,547	14.99
4	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	186,139	4.66
5	ĐẤT DU LỊCH	641,416	16.04
6	ĐẤT BẾN BÃI	7,696	0.19
7	ĐẤT QUẢNG TRƯỜNG	24,314	0.61
8	BÃI CÁT	2,773	0.07
9	ĐẤT GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT	692,994	17.33
	[illegible]	[illegible]	[illegible]

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND TỈNH KIÊN GIANG
QĐ/ TBLV SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2010

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC
QĐ/ TBLV SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2010

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TRẦN THÁI PHƯƠNG NAM
QĐ/ TBLV SỐ ..... ngày ..... tháng ..... năm 2010

CÔNG TRÌNH : KHU KHÔNG GIAN ĐẶC THÙ
QUY HOẠCH PHÂN KHU KHU DU LỊCH, DÂN CƯ CỬA CẠN - TỈ LỆ 1/2000
XÃ CỬA CẠN - HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

TÊN BẢN VẼ
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ, QMĐ	KHổ A0 (1189 X 841)	TỈ LỆ 1/2000	NGÀY: 26/12/2010
THẨM ĐỊNH	KTS. TRẦN KIẾN THỌ		
THIẾT KẾ	KTS. PHAN VĂN KHA		
CHỦ NHIỆM	KTS. QUANG TRỌNG SANG		
GĐ. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN VŨ HOÀNG		

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH:

KTS. QUANG TRỌNG SANG - GIÁM ĐỐC